

Bản án số: 58/2022/DS-ST
Ngày: 19-12-2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản là vàng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Năm
- Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Danh Giá – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là vàng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh L. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh L. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Mộng T là hàng xóm, bà T gọi bà bằng cô. Vào ngày 27 tháng 10 (âm lịch) năm 2003, bà T có đến nhà bà để hỏi mượn 28 chỉ vàng 24Kr, khi đó bà T có nói mượn về để mua bò chăn nuôi. Bà đồng ý cho mượn, hai bên có làm giấy mượn do bà giữ, có thỏa thuận tiền lãi là 600.000đ/tháng, thời hạn trả hết số vàng trên là 01 năm kể từ thời điểm mượn. Bà T có trả tiền lãi được khoảng 02 năm, tổng cộng khoảng 14.400.000đ. Đến

c cuối năm 2005, bà T không trả lãi nữa. Sau khi bà T không trả tiền lãi, bà có đến đòi nhiều lần nhưng bà T nói đã đủ số vàng gốc và lãi rồi, nên không trả nữa. Sau đó, bà vẫn tiếp tục đến nhà bà T đòi vàng, nhưng bà T cứ hẹn không trả, nên bà bỏ một thời gian không đến đòi nữa. Đến tháng 01/2022, bà có ghi âm được lời nói của bà T thừa nhận có mượn vàng của bà, nên bà có thưa ra áp, xã giải quyết nhưng không có kết quả. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả 28 chỉ vàng 24Kr đã mượn vào năm 2003. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Bà thừa nhận về thời gian mượn vàng và số vàng mà bà đã mượn từ bà H đã được bà H đã trình bày đúng sự thật. Khi mượn hai bên không có làm giấy tờ gì, cũng không có thỏa thuận tiền lãi. Về thời hạn trả thì chỉ có 01 tháng chứ không phải 01 năm như bà H trình bày. Sau khi mượn khoảng 01 tháng, bà H có đến đòi vàng, do không có khả năng trả nên bà có xin trả dần mỗi tháng 01 chỉ vàng 24Kr và được bà H đồng ý, nên bà T trả hàng tháng và đã trả xong số vàng trên cho bà H trong thời gian 48 tháng từ năm 2003 đến năm 2007, mỗi tháng là 01 chỉ vàng 24Kr. Từ năm 2007 trở đi, bà nghĩ là việc vay vàng của bà H đã trả xong thì chấm dứt, nhưng đến năm 2018 bà H lại đến nhà để đòi 28 chỉ vàng 24Kr, nên bà không đồng ý và phát sinh tranh chấp cho đến nay. Nay bà không đồng ý trả 28 chỉ vàng 24Kr theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến như sau:

- Bà H xác định không có việc cho bà T trả dần mỗi tháng 01 chỉ vàng 24Kr như lời bà T trình bày. Bà H xác định trước khi khởi kiện ra Tòa án, bà có gọi đơn đến Ban quản lý ấp H, xã B để hòa giải tranh chấp, tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2022 của ấp, bà có xác định bà T có đóng lãi cho bà, mỗi tháng là 600.000đ, đóng liên tục được 04 năm với số tiền lãi là 28.800.000đ. Do đó, bà T vẫn chưa trả số vàng gốc đã vay là 28 chỉ vàng 24Kr, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bà T phải trả 28 chỉ vàng 24Kr gốc đã vay. Bà H xác định khi cho vay là loại vàng nhân tròn 98%, giá trị 01 chỉ vàng 24Kr tại thời điểm cho bà T vay là khoảng 600.000đ/01 chỉ, còn tại thời điểm xét xử là khoảng 5.000.000đ/01 chỉ.

- Bà T xác định về nội dung bản ghi âm mà bà H cung cấp, được Hội đồng xét xử công khai để bà nghe trực tiếp tại phiên tòa, trong đó có giọng nói của bà T. Trong bản ghi âm đó bà có nói những nội dung như: “đúng là 02 cây 8”, “đã trả lãi bao nhiêu năm nhiều quá rồi”, “không có hứa khi nào trả hết, khi nào gom được tiền thì mới trả”, “đóng lãi bao nhiêu năm đã dư vốn rồi”,...

Bà T cũng xác định là bà đã trả lãi cho bà H được 04 năm với số tiền 28.800.000đ là đã vượt quá giá trị của 28 chỉ vàng 24Kr đã vay của bà H, nên không đồng ý trả 28 chỉ vàng 24Kr vay gốc theo yêu cầu của bà H. Bà T cũng xác định khi trả tiền cho bà H thì không có làm giấy tờ gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thạnh phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có vay của bà H số vàng 28 chỉ vàng 24Kr vào năm 2003, nhưng cho rằng đã trả xong, nên không đồng ý trả nữa theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, theo chứng cứ là bản ghi âm mà bà H cung cấp, đã được Hội đồng xét xử công khai để các đương sự nghe trực tiếp tại phiên tòa. Bà T đã thừa nhận giọng nói của bà trong bản ghi âm và nội dung trong bản ghi âm thể hiện bà T có nói: “đúng là 02 cây 8”, “đã trả lãi bao nhiêu năm nhiều quá rồi”, “không có hứa khi nào trả hết, khi nào gom được tiền thì mới trả”, “đóng lãi bao nhiêu năm đã dư vốn rồi”,...

Điều đó, thể hiện bà T vẫn còn nợ bà Hoa số vàng gốc đã vay là 28 chỉ vàng 24Kr, nên mới có việc nói đã trả lãi nhiều và xin trả dần, khi nào lấy được tiền sẽ trả tiếp. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả vàng đã vay, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ gốc là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoa. Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, phía nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H có cung cấp 01 Usb chứa dữ liệu thông tin ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà H và bà T liên quan đến phần 28 chỉ vàng 24Kr mà bà T đã vay, nên Hội đồng xét xử tiến hành công khai cho các đương sự tiếp cận trực tiếp chứng cứ là nghe nội dung ghi âm tại phiên tòa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng vay vàng giữa các bên, thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và bà T đều thống nhất vào năm 2003, bà T có vay của bà H số vàng 28 chỉ vàng 24Kr, nên Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[2.2] Về thời hạn vay: Bà H và bà T không thống nhất về thời hạn vay, bà T cho rằng thời hạn vay là 01 tháng, trong khi bà H cho rằng thời hạn vay là 01 năm, nhưng đây là căn cứ để Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay này là có thời hạn.

[2.3] Về lãi suất: Hai bên không thống nhất, bà H cho rằng cho vay có lãi là 600.000đ/tháng, còn bà T lại cho rằng vay không có lãi. Tuy nhiên, qua nội dung

trình bày của bà T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thể hiện bà T có đóng lãi cho bà H 04 năm, cho thấy đây là vay có lãi.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay vàng giữa bà H và bà T là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi.

[2.5] Tại phiên tòa, sau khi nghe công bố công khai chứng cứ là bản ghi âm mà bà H cung cấp. Bà T đã thừa nhận giọng nói trong bản ghi âm là của bà và nội dung trong bản ghi âm thể hiện bà T có nói nhiều nội dung liên quan đến khoản nợ vàng đã vay của bà H, trong đó có một số nội dung như: “đúng là 02 cây 8”, “đã trả lãi bao nhiêu năm nhiều quá rồi”, “không có hứa khi nào trả hết, khi nào gom được tiền thì mới trả”, “đóng lãi bao nhiêu năm đã dư vốn rồi”,...Điều đó, thể hiện bà T vẫn còn nợ bà H số vàng gốc đã vay là 28 chỉ vàng 24Kr, nên mới có việc nói đã trả lãi nhiều và xin trả dần, khi nào lấy được tiền sẽ trả tiếp.

[2.6] Như vậy, đến hạn trả nợ, bên vay là bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm quy định tại Điều 467, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 1995 (*có hiệu lực vào thời điểm các bên xác lập giao dịch*); Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (*có hiệu lực vào thời điểm giải quyết tranh chấp*), nên bên cho vay là bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả tài sản gốc đã vay là 28 chỉ vàng 24Kr là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bà T trả cho bà H tài sản gốc đã vay là 28 chỉ vàng 24Kr.

[2.7] Những phân tích trên, cho thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu án phí là 7.000.000đ. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 96, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 467, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết H phần tài sản gốc đã vay vào năm 2003 là 28 chỉ vàng 24Kr (vàng nhẫn 98%).

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 7.000.000đ án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000đ theo biên lai thu số 0004418 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Văn Khánh